

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN**
Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-5- 2023
V/v "*Tranh chấp Ly hôn*".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa: bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25.3.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST- HNGĐ ngày 25.4.2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ngọc T1, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: tổ 35 thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 28 thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26.10.2023; văn bản trình bày và tại phiên tòa hôm nay, bà Phùng Thị Ngọc T1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Anh T2 cưới nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2016; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình hôn nhân, cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm nhất là từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, mâu thuẫn ngày càng lớn, bản thân cũng không còn tình cảm với chồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bà T1 đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Anh T2 để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/5/2016, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Anh T2 đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn ông T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện bà T1. Về con chung giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/5/2016 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Thị Ngọc T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Anh T2 có nơi cư trú tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Anh T2 kết hôn vào năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam trên tinh thần tự nguyện, nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có niềm tin với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, tình cảm không còn, bà T1 yêu cầu giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 cố tình trốn tránh không tham gia các phiên hòa giải. Tại biên bản xác minh (bút lục số 30) thể hiện ông T2 hiện đang cư trú tại xã C, ông T2 và bà T1 đã không sống chung với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay bà T1 và ông T2 không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà T1 và ông T2 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/5/2016 hiện đang sống cùng bà T1, bà T1 có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo về việc chăm sóc các cháu và sự ổn định nên giao cháu A cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phùng Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Anh T2.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/5/2016. Giao cháu A cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Ông T2 không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phùng Thị Ngọc T1 phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007817 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H. Bà T1 đã nộp đủ án phí.

Bà Phùng Thị Ngọc T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2024). Ông Nguyễn Anh T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

Nguyễn Thị Hồng Nhạn

